

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

QUAN HỆ GIỮA TÔN GIÁO VÀ SẮC TỘC Ở NIGERIA

ĐỖ TRỌNG QUANG^(*)

Từ nhiều thế kỉ, Islam giáo và Kitô giáo vẫn là hai tôn giáo kình địch nhau. Dĩ nhiên tôn giáo nào cũng có quyền thu phục tín đồ, và người nào cũng có thể từ bỏ tôn giáo mình để theo một tín ngưỡng khác, nhưng ở miền bắc Nigeria, việc cải giáo thường đi kèm sự thay đổi thành phần sắc tộc, tức là người theo tín ngưỡng mới đồng thời trở thành người của tộc người mới.

Ở đây, một số bang áp dụng luật *shar'ia* của Islam giáo một cách chặt chẽ, người dân phải chịu sức ép nặng nề của tôn giáo. Các nhà chính trị của Islam giáo thường sử dụng cảnh sát và thể chế nhà nước để buộc cộng đồng tuân thủ quy tắc tôn giáo, và gạt thiểu số những người không theo Islam giáo ra ngoài lề. Các tộc người nhỏ, phần lớn theo Kitô giáo, phàn nàn rằng dân đa số theo Islam giáo, hầu hết thuộc hai sắc tộc Hausa và Fulani, đã truyền bá tín ngưỡng bằng những cách không hợp pháp. Nhiều người cảm thấy phương thức thu phục tín đồ của Islam giáo có thể ảnh hưởng xấu đến sự cố kết và toàn vẹn xã hội của sắc tộc họ.

Người truyền bá Islam giáo tìm cách thay đổi triệt để bản sắc và lối sống của sắc tộc mà họ nhằm thu phục, vì cho rằng văn hóa của họ cao hơn những nền văn hóa khác. Người bị họ thu phục có thể thấy mưu toan phá vỡ truyền thống tôn giáo và văn hóa đó là hành động xâm phạm, đe dọa sự tồn tại cộng đồng mình. Tuy nhiên, tín đồ Kitô giáo đôi khi cũng có cách ứng xử quá khích đối với một tôn giáo ngoại lai.

Thủ lĩnh sắc tộc thường tìm cách ngăn cản thành viên tộc người mình thay đổi tín ngưỡng. Họ khẳng định tôn giáo của họ có mặt trước tiên ở địa phương, là một bộ phận chủ yếu của cộng đồng, và cảm thấy có quyền hạn chế quyền tự do tín ngưỡng của dân mình. Ở các tộc thiểu số như Tangale hay Dadiya, ý đồ duy trì bản sắc đã vi phạm quyền lựa chọn tôn giáo của cá nhân. Người cải giáo thường bị thúc ép từ bỏ tín ngưỡng mới, và trong trường hợp xung đột, một số đền thờ Islam giáo bị đốt cháy. Tuy vậy, nhiều người dân Tangale hay Dadiya không nhất quyết duy trì độc quyền của tôn giáo tổ tiên, hầu hết công nhận rằng mỗi cá nhân đều có quyền chọn tín ngưỡng hợp ý mình. Họ có thể vẫn là người Tangale tốt trong khi dự lễ ở một nhà thờ Công giáo hay Tin Lành. Họ cũng có thể đến thờ cúng với một tôn giáo từ xa tới trong thời gian gần đây.

Thế nhưng, người dân Tangale bất bình khi thấy đồng hương mình theo Islam giáo, khi sự thay đổi bản sắc tôn giáo đi kèm sự chuyển đổi sắc tộc. Những người mang một cái tên Islam giáo bắt đầu nói ngôn ngữ của tộc người Hausa, một tộc người vẫn chiếm ưu thế về dân số và chính trị ở Nigeria, bắt chước y phục và phong cách của dân Hausa. Với dấu hiệu bề ngoài thay đổi, lòng trung thành với sắc tộc thay đổi theo, mang lại hậu quả sâu sắc cho sự cân bằng lực lượng ở địa phương. Lúc các sắc tộc xung đột để

*. Nhà nghiên cứu, Hà Nội.

tranh giành đất đai hiếm hoi, người cải giáo có xu hướng đứng về phe tín đồ Islam giáo đánh lại họ hàng thân thích Tangale. Tình hình phức tạp có thể được thấy rõ khi ta nhìn lại các sự kiện xảy ra trong quá khứ.

Ở vùng lãnh thổ hiện nay là nước Nigeria, hoạt động buôn bán xuyên Sahara đã truyền bá ảnh hưởng Ả rập trong hơn một nghìn năm. Từ giữa thế kỉ XVII, nhà vua Kanem-Bornu cải giáo sang Islam giáo và, sau đấy, vua chúa trị vì các vương quốc Hausa lân cận đều theo gương ông ta. Trong nhiều thế kỉ, Islam giáo là tôn giáo cung đình, ít ảnh hưởng đến đời sống nông dân. Chỉ khi Usman dan Fodio, một nhà truyền giáo Fulani, kêu gọi thánh chiến chống “kẻ vô tín ngưỡng” thì Islam giáo mới truyền khắp các khu vực rộng lớn ở miền bắc Nigeria. Ngày nay, cuộc thánh chiến của ông vẫn được những người vận động ủng hộ luật *sharia* coi là một khuôn mẫu của sự đổi mới tôn giáo.

Sắc tộc Fulani của Usman dan Fodio di chuyển vào lãnh thổ của người Hausa, một số nhỏ định cư ở kinh đô các vua Hausa, ở đấy họ nhờ có học vấn Islam giáo mà leo lên được địa vị quan trọng, hoặc làm cố vấn cho vua chúa, hoặc làm thư kí cho vua hay làm người thu thuế. Một số học giả Fulani khác thích ở xa cung điện nhà vua, thành lập khu cư trú riêng ở nông thôn, và từ đây, cuộc nổi dậy chống vua chúa bắt đầu nổ ra.

Kêu gọi tôn trọng công lí thần thánh, Usman dan Fodio quay lại chống tệ tham nhũng và chế độ chuyên chế của giai cấp thống trị, thế là trong vòng năm năm, các vua chúa Hausa bị lật đổ, nhưng không vì thế mà trật tự phong kiến bị xóa bỏ. Các gia đình “hoàng tộc” Fulani thế chỗ tầng lớp quý tộc cũ, bá quyền của họ có thể suy giảm nhanh chóng, nhưng họ cố gắng khắc phục thái độ không quy phục bên trong bằng cách tiến đánh những “kẻ

vô tín ngưỡng” tại các lãnh thổ láng giềng. Kị binh của người Fulani cùng đồng minh Hausa không dừng bước ở biên giới các vương quốc cũ, mà tiến sâu về hướng đông tới vùng Bauchi, và hướng nam đến vùng người Nupe và Yoruba. Trong thế kỉ XIX, nhiều tiểu vương quốc Islam giáo được thành lập ở tất cả các vùng đất bị xâm chiếm này, phụ thuộc vua Islam giáo tại Sokoto.

Cho rằng chỉ Islam giáo là có khả năng hợp nhất các dân tộc quy phục và củng cố cái đế quốc tạp nham này, nên để có danh nghĩa hợp pháp, các tiểu vương phải thiết lập một nền thống trị thần quyền, và cứ tự cho mình là kẻ bảo vệ tôn giáo chân chính, họ buộc mọi người chấp nhận biểu hiện bên ngoài của tín ngưỡng như làm lễ Ramadan, cầu kinh ngày thứ Sáu. Ở những nơi họ thiết lập quyền lực nhà nước lâu bền, họ đều thúc ép các dân tộc bị chinh phục, hay ít nhất thủ lĩnh các dân tộc này, theo Islam giáo.

Tuy vậy, theo Islam giáo không có nghĩa là người mới cải giáo được đối xử bình đẳng. Là tín đồ Islam giáo có nghĩa là công nhận quyền lực chính trị và tôn giáo của tiểu vương, và chấp nhận vị trí của mình trong hệ thống trên dưới của xã hội. Như vậy Islam giáo thiết lập một cơ cấu kiểm soát bên vững, bảo đảm sự chinh phục các cộng đồng “tà giáo”. Trong số người Nupe, hầu hết dân cải giáo đều sẵn lòng cộng tác với tầng lớp quý tộc Fulani. Vì dân cải giáo không còn trung thành với sắc tộc mình, nên đồng hương coi họ là một bộ phận của giai cấp thống trị. Khi nhắc đến những người này, dân Nupe không nói rằng “họ trở thành người Islam giáo, mà... đã là dân Fulani”.

Tại hầu hết các vùng, mọi làng mạc và sắc tộc đều phải cống nạp cho tiểu vương, hoặc thường xuyên bị quân lính ở kinh đô về cướp bóc. Do đấy, Islam giáo phần lớn vẫn là một tôn giáo đô thị. Ở ngoại vi vương quốc, nơi sinh sống của hàng trăm

sắc tộc, dân chúng tìm cách thoát khỏi sự thống trị của người Fulani, tức là thoát khỏi Islam giáo. Tại các khu vực này, thánh chiến chẳng khác nào cướp bóc, chiến binh của Thượng Đế quan tâm săn lùng nô lệ hơn truyền bá tôn giáo. Ở trung tâm vương quốc, khoảng một nửa dân số là nô lệ, và sự phát triển chế độ nô lệ có lẽ là lí do vì sao nhiều khu vực lớn ở miền bắc nước này không bị Islam giáo hóa.

Nhưng dù theo Islam giáo, người ta cũng chẳng thể thoát khỏi bị bắt làm nô lệ. Ở vùng ngoại vi của vương quốc, như ở Adamawa, người Fulani đôi khi không muốn cho dân địa phương theo Islam giáo để có lí do bắt họ làm nô lệ. Theo một tài liệu nghiên cứu của Gausset, thì “cho đến cuối những năm 1950, những người địa phương tìm cách cải giáo theo Islam giáo vẫn bị các vua Islam giáo đánh đập và tống giam”. Tầng lớp thống trị, tự coi mình là theo tôn giáo ưu việt hơn, ít quan tâm đồng hóa các dân tộc bị họ cai trị. Islam giáo chỉ trở thành một tôn giáo của mọi giai cấp vào những năm cuối 1950, lúc bầu cử dân chủ được tổ chức và tầng lớp Fulani thống trị cần sự ủng hộ của dân chúng.

Để thoát khỏi cuộc thánh chiến của thế kỉ XIX, nhiều sắc tộc nhỏ phải rút về cao nguyên Jos của vùng núi Muri và những miền xa khác mà kị binh Fulani không tới được. Ở một khu vực gọi là Vành đai Giữa, các “tộc thiểu số” duy trì được bản sắc tộc người cho đến nay, trong khi xa hơn về phía bắc, tại trung tâm đất nước, nơi các phần tử thánh chiến thiết lập quyền lực nhà nước, một quá trình đồng hóa được thực hiện. Một số sắc tộc nhỏ khác, theo Islam giáo, dần dần trở thành dân Hausa. Ngay cả giai cấp thống trị người Fulani cũng học tiếng Hausa và tiếp thu văn hóa của dân Hausa đa số, cho nên ngày nay người ta thường nói đến “dân Hausa-Fulani”.

Tuy nhiên, các gia đình quyền quý Fulani còn giữ được đặc quyền đặc lợi và,

cho đến nay, vẫn có một quy định bất di dịch là chỉ con cháu trực hệ của Usman dan Fodio mới được lên ngôi vua Sokoto. Thậm chí ở một đô thị xa xôi như Ilorin, chủ yếu gồm người Yoruba sinh sống, tiểu vương bao giờ cũng thuộc dòng dõi quý tộc Fulani. Sở dĩ sự nổi dõng lạ lùng này được duy trì vì chính quyền thuộc địa Anh ủng hộ bá quyền của người Fulani và, do đó, ủng hộ sự truyền bá Islam giáo.

Sự thống trị của người Hausa-Fulani

Lúc quân đội Anh chiếm miền bắc Nigeria năm 1902-1903, hầu như họ không vấp sức kháng cự. Thậm chí ở Sokoto, trung tâm đế quốc Fulani, dân chúng hình như không sẵn sàng bảo vệ nhà cầm quyền. Nhưng mặc dầu vua và hầu hết các tiểu vương bị đánh đuổi, người Anh không xóa bỏ thế lực các gia đình thống trị. Bọn thực dân xâm lược không đủ nhân sự để cai quản đất đai bị chinh phục, nên chúng thấy tốt nhất là sử dụng chính quyền mà người Fulani dựng lên ở các tiểu vương quốc. Luật Islam giáo được thi hành ở đây có thể dễ dàng được hợp nhất vào hệ thống pháp luật thuộc địa. Những kẻ thống trị mới chỉ tước bỏ những phần của luật mà bản thân chúng cũng ghê sợ, như chặt tay hay bắt làm nô lệ, như vậy là luật *shar'ia* vẫn có hiệu lực tới lúc kết thúc thời kì thuộc địa.

Dưới chế độ gọi là “cai trị gián tiếp”, “nhà cầm quyền bản địa”, tức chính quyền của người Fulani hợp tác với Anh, tiếp tục chịu trách nhiệm cai trị dân chúng một cách trực tiếp. Theo cách nhìn của người Châu Âu, thì dân Fulani sinh ra để cai trị và, về phương diện này, dân Fulani hình như là hình ảnh phản chiếu của người Anh ở Châu Phi. Một viên trung tá người Anh là Beddington nói rằng: “Chúng tôi cảm thấy hai chủng tộc Fulani và Anh có nhiều điểm giống nhau. Cả hai đều có một kinh nghiệm lâu đời và khả năng đặc biệt để cai quản công việc

của chính họ và các dân tộc khác”. Giống như trước, các tiểu vương vẫn có quyền phân chia đất đai và thu thuế. Họ giải quyết các vụ tranh chấp tôn giáo và pháp luật, cho nên quan chức Anh chỉ việc thực hiện quyền của mình một cách gián tiếp.

Tại các tiểu vương quốc, công dân bị xét xử ở tòa án Islam giáo, thậm chí ở cả những nơi đa số dân chúng bị coi là “theo tà giáo”. Như thế nghĩa là, theo luật *shar'ia*, người không theo Islam giáo bị phân biệt đối xử. Năm 1958, một ủy ban của chính phủ đã xác nhận rằng, khi giải quyết các vụ án hình sự, nhiều thẩm phán Fulani chỉ công nhận chứng cứ của nhân chứng Islam giáo nam giới. Ở những khu vực thuộc Vành đai Giữa không bị các tiểu vương kiểm soát, người Anh đối xử với viên chức cai trị Fulani của họ trân trọng hơn quan chức cũ của địa phương. Như vậy, chính quyền thuộc địa đã thể chế hóa vị thế thấp kém của người không theo Islam giáo, vì lẽ đó nhiều vị tai to mặt lớn truyền thống đã bắt chước tập quán của người Fulani, tiếp thu cách ăn mặc và đôi khi cả tôn giáo của họ.

Sự phân quyền giữa người Anh và người Fulani chẳng những thuận tiện cho kẻ xâm lược, mà còn đem lại cho dân Fulani nhiều lợi thế. Được quân đội thuộc địa giúp sức, người Fulani có thể mở rộng khu vực mà họ thống trị bằng cách bình định vùng cao nguyên. Những sắc tộc đã bảo vệ được tính độc lập của mình trong thế kỉ XIX, bây giờ phải chịu khuất phục nhà cầm quyền Islam giáo được sự trợ giúp của người Anh. Thậm chí những khu vực thuộc Vành đai Giữa, chưa bị chính thức sát nhập vào các tiểu vương quốc, cũng nằm dưới quyền cai quản của người Fulani. Vì nhiều tộc thiểu số chưa có thủ lĩnh hoặc nhà cầm quyền, nên người Fulani được cử làm quận trưởng hay xã trưởng. Bằng cách đó, Islam giáo được lợi ở sự thống trị thuộc địa, chẳng những tại Nigeria, mà ở cả Tây Phi nói chung. Nhà

dân tộc học Lewis đã nói: “Trong nửa thế kỉ bị thực dân người Châu Âu cai trị, Islam giáo phát triển sâu rộng hơn trong mười thế kỉ của lịch sử tiền-thuộc địa”.

Để củng cố chế độ cai trị của mình, người Anh phải bảo vệ lợi ích của đồng minh mới, bọn thống trị Fulani, những kẻ dùng uy quyền tôn giáo làm cơ sở cho lời khẳng định của mình về tính hợp pháp. Lúc chiếm đế quốc Fulani, huân tước Lugard bảo đảm với dân chúng rằng chính quyền mới sẽ không can thiệp vào vấn đề tôn giáo. Các tiểu vương không cho phép tín đồ Islam giáo được cải giáo, và theo lệnh chính quyền thuộc địa, hầu hết các vùng Islam giáo ở miền bắc Nigeria đều không cho các nhà truyền giáo Kitô giáo tới. Đại diện Kitô giáo cực lực phản đối, nhưng Bộ Thuộc địa ở Luân Đôn không sẵn lòng nhân nhượng. Năm 1917, Bộ đó tuyên bố rằng: “Bất cứ điều gì đe dọa Islam giáo cũng đều đe dọa quyền lực các tiểu vương và gây nguy hại cho tổ chức cai trị gián tiếp”.

Chỉ từ năm 1931 trở đi, giáo sĩ Kitô giáo mới được phép rao giảng ở một số nơi. Họ được quyền xây nhà thờ, miễn là không quấy nhiễu dân Islam giáo. Tuy vậy, đa số tín đồ Islam giáo bức bối khi thấy nhà thờ Kitô giáo ở gần nơi mình, vì thế đến tận bây giờ, nhà thờ chỉ được phép xây ở ngoài rìa nhiều thành phố miền Bắc. Những năm gần đây, đã có xu hướng trở lại sự cấm đoán ngặt nghèo đầu thời kì thuộc địa. Nhà cầm quyền ở Kano, thủ phủ miền Bắc, đã từ chối cấp đất xây nhà thờ từ đầu những năm 1980. Dân Kitô giáo làm ngơ lệnh này, cứ xây nhà thờ mới ở nơi họ ở, nhưng năm 1999, họ nhận được thông báo chính thức rằng 54 nhà thờ phải bị dỡ bỏ.

Trong nhiều thập kỉ, hoạt động của các đoàn truyền giáo tập trung ở miền Nam, hiện nay phần lớn theo Kitô giáo. Tôn giáo của bọn thực dân cũng hấp dẫn các tộc thiểu số ở miền Bắc. Theo Kitô giáo,

họ có một bản sắc “hiện đại” khiến dễ chống lại nền văn hóa Hausa-Fulani. Tuy vậy về phương diện hành chính, toàn bộ Vành đai Giữa là một bộ phận của miền Bắc, nằm dưới quyền thống trị của người Hausa-Fulani cùng chính đảng của những người này, Đảng Đại hội Nhân dân miền Bắc (NPC). Trong những năm 1950, NPC kiểm soát chính quyền địa phương, và khi Nigeria độc lập hoàn toàn năm 1960, đảng đó kiểm soát chính phủ liên bang ở thủ đô Lagos. Là một chính đảng địa phương, họ kêu gọi dân chúng miền Bắc tập hợp với nhau dưới khẩu hiệu “Một miền Bắc: Một dân tộc không phân biệt tôn giáo, đẳng cấp hay sắc tộc”.

Tuy nhiên, các sắc tộc miền Bắc không cảm thấy “một dân tộc”, NPC không có số đại diện bằng nhau của tất cả các nhóm trong xã hội và các sắc tộc, bộ máy lãnh đạo đảng nằm chắc trong tay giai cấp quý tộc Fulani. Trong nghị viện miền Bắc bầu năm 1961, 40% nghị sĩ thuộc hoàng gia, 28% thuộc tầng lớp quý tộc, chỉ có 2% là con cháu nô lệ cũ. Đại diện các tộc thiểu số Kitô giáo thành lập đảng riêng, Đảng Đại hội vùng Vành đai Giữa thống nhất, kêu gọi xây dựng một nhà nước Vành đai Giữa tự trị, nhưng nhà cầm quyền thuộc địa buộc họ vẫn phải nằm dưới quyền chính phủ NPC.

Lúc người Anh ra đi, thủ tướng chính quyền miền Bắc là một người Fulani nắm quyền lực lớn. Ông ta quyết định cấp ngân sách và tuyển dụng viên chức vào cơ quan nhà nước, kiểm soát cảnh sát cùng các đài phát thanh và truyền hình địa phương, vì thế các tộc thiểu số thấy rằng, nếu không ủng hộ chính quyền địa phương thì thiệt thòi. Các chính trị gia đối lập chạy sang NPC được giữ những chức vụ có lợi, người nào không sẵn sàng đứng về phía đảng cầm quyền thì có nguy cơ phá sản và ngồi tù. Ba năm sau khi đất nước độc lập, phe đối lập bị loại bỏ và miền bắc Nigeria hầu như đổi thành bang một đảng. Khi người Tiv, nhóm

không theo Islam giáo lớn nhất ở miền Bắc, đứng lên chống chính quyền, cuộc nổi dậy của họ nhanh chóng bị quân đội dập tắt.

Nhưng nếu chỉ dùng bạo lực thì không hợp nhất được miền bắc Nigeria, vì thế Thủ tướng Ahmadu Bello chủ trương truyền bá một nền văn hóa chung cho các sắc tộc không đồng nhất này. Quan chức trong chính quyền phải nói tiếng Hausa và được khuyến khích theo Islam giáo. Là một sức mạnh hợp nhất để xóa bỏ những khác biệt sắc tộc, tôn giáo chung phải được thấy ở mọi nơi, do đấy chính quyền địa phương ra lệnh xây dựng công sở mới theo phong cách Islam giáo, tức phong cách Ả-rập.

Tháng 9/1963, thủ tướng miền Bắc mở cuộc vận động cải giáo, dùng tiền của người nộp thuế và các khoản tặng của các nước Ả-rập để tổ chức mit-tinh quần chúng, ở đấy người cải giáo nhận được từ tay thủ tướng những món quà nhỏ. Nhưng cuộc vận động Islam giáo hóa của ông ta không tạo được một quan hệ mật thiết giữa tầng lớp trên của Islam giáo với các tộc thiểu số, mà trái lại còn làm cho sự ngờ vực giữa họ sâu sắc thêm, tuy năm 1964, Ahmadu Bello khoe với Liên đoàn Thế giới Ả-rập rằng ông đã cải giáo được 60.000 kẻ vô tín ngưỡng chỉ trong năm tháng. Là hậu duệ trực tiếp của Usman dan Fodio, ông luôn sử dụng hình tượng thánh chiến, và nhấn mạnh tính liên tục giữa chính phủ NPC với triều đại cũ.

Ahmadu Bello coi chức vụ chính trị của mình như một vị trí để từ đó đẩy mạnh sứ mệnh tôn giáo mà vị tổ tiên lừng danh của ông đã phát động cách đây hơn một trăm năm. Ông nói: “Công cuộc cứu vớt tất cả dân tộc mà ngài đã thực hiện một cách cao cả bây giờ được trao cho tôi. Tôi hoàn toàn hiến dâng thân mình cho việc hoàn thành sứ mệnh đó”. Tuy vậy, do kêu gọi thánh chiến như ở thế kỉ XIX, ông đã khơi dậy nỗi khiếp sợ

sự thống trị của người Fulani. Đầu năm 1966, lúc có tin Ahmadu Bello bị giết trong một cuộc đảo chính quân sự, tất cả các khu vực dân thiểu số đều ăn mừng cái chết của ông ta.

Sự can thiệp của quân đội chỉ là vụ đầu tiên trong một loạt vụ đảo chính và phản đảo chính. Nhiều chế độ quân sự và dân sự nối tiếp nhau, nhưng tầng lớp trên của Islam giáo vẫn tiếp tục thống trị miền Bắc. Chỉ đến năm 1999, với bước khởi đầu chế độ Cộng hòa thứ Tư, quyền lực mới chuyển xuống miền Nam. Năm đó, Nigeria trở về chế độ dân chủ sau 15 năm bị giới quân sự thống trị, nhưng nghị viện của 12 bang miền Bắc lại thông qua những đạo luật mới nhằm Islam giáo hóa nhà nước và xã hội, bắt đầu cuộc vận động áp dụng luật *shar'ia*. Cuộc vận động đó được giải thích một phần như một phản ứng đối với việc họ mất quyền, sau khi một tổng thống Kitô giáo được bầu.

Sự kết thúc nhà nước thế tục

Nhân dân Châu Âu biết tin về cuộc vận động này lúc một phụ nữ Nigeria bị kết án ném đá vì tội quan hệ tình dục ngoài hôn nhân. Báo chí Phương Tây, lúc bàn về hậu quả của luật *shar'ia*, tập trung vào khía cạnh vi phạm nhân quyền. Nhưng vi phạm nhân quyền chẳng phải là vấn đề gây lo lắng nhất, vì chẳng người đàn bà nào mắc tội thông dâm bị hành hình. Nhà cầm quyền bang còn lưỡng lự chưa áp dụng nghiêm ngặt luật thần thánh, vì có lẽ sự phản đối quốc tế đã góp phần ngăn chặn các vụ hành quyết, nhưng lí do chính vì sao cuộc vận động luật *shar'ia* xẹp đi hình như là do bản thân người Islam giáo vỡ mộng. Trong khi hầu hết họ không phản đối luật *shar'ia*, thì họ lại phê phán cách các nhà chính trị Islam giáo thi hành luật đó. Một tên ăn trộm bò và một vài người mắc tội nhỏ khác bị chặt bàn tay phải, nhưng các vị thống đốc tham nhũng lại không bị hỏi tội.

Hậu quả nghiêm trọng nhất của cuộc vận động luật *shar'ia* là nó dẫn đến sự đối đầu giữa các cộng đồng tôn giáo. Lúc luật mới được ban hành, Chủ tịch Hiệp hội Kitô giáo Nigeria bày tỏ nỗi kinh ngạc về “sự điên rồ vô trách nhiệm” này, và giáo sư Wole Soyinka, người được giải thưởng Nobel, cho rằng đây sẽ là “bước mở đầu nội chiến”. Trong khi đó, cơn giận dữ nguôi đi nhưng các cộng đồng tôn giáo vẫn ngờ vực và lo lắng trong quan hệ với nhau. Việc trở lại luật thiêng liêng của Thượng Đế không phải chỉ là công việc nội bộ của Islam giáo. Nhiều nhà hoạt động *shar'ia* không quan tâm nhiều đến việc tuân thủ luật lệ khắt khe của tôn giáo; trái lại, họ dùng cuộc vận động để đạt mục đích chính trị. Bằng cách tăng cường sự có mặt tượng trưng của Islam giáo, họ tranh thủ quần chúng và gạt đối thủ Kitô giáo ra ngoài lề.

Theo luật *shar'ia*, thì nhà nước bao cấp việc xây đền thờ Islam giáo và trả lương thầy tế (imam), trong khi hoạt động tôn giáo của “kẻ vô tín ngưỡng” bị hạn chế. Luật hình sự của bang Zamfra coi việc thờ cúng các vị thần khác ngoài Allah là một trọng tội. Luật này, được áp dụng ở hầu hết các bang theo luật *shar'ia* khác, quy định rằng “bất cứ ai... tham gia việc thờ cúng hay cầu khẩn của một *juju* nào đó... cũng đều bị tội chết”. Danh từ *juju* bao gồm việc thờ cúng hay cầu khẩn bất cứ một vật hay độc thần nào không phải là Allah. Danh từ này, được dùng phổ biến ở Nigeria, nói đến các hình thức tôn giáo và ma thuật truyền thống. Những người Kitô giáo có tín ngưỡng độc thần tương tự như Islam giáo, thì không bị luật này ngăn cấm. Họ có thể tiếp tục theo tôn giáo họ, nhưng phải chịu một số hạn chế.

Ở Zamfra, bang đầu tiên áp dụng luật *shar'ia*, có rất nhiều hạn chế được đặt ra. Chương trình giáo dục Kitô giáo bị cấm ở các trường công lập, tất cả các học sinh

đều phải học ở các lớp theo chương trình Islam giáo. Tại các trường trung học, tín đồ Kitô giáo bị phân chia theo giới tính, học sinh nam và nữ được dạy riêng. Không những thế, nữ học sinh đều phải ăn mặc theo kiểu Islam giáo, dù theo tín ngưỡng nào. Ở thủ phủ của bang, người theo Kitô giáo phải di chuyển nhà thờ đến một khu vực ngoài thành phố, và một số nhà thờ đã bị phá hủy.

Theo lời Ahmed Sani, thống đốc bang Zamfra, thì tín đồ Islam giáo không được nghi ngờ những đạo luật *shar'ia* mà chính quyền thông qua. Ông ta nói: “Đây là các luật lệ và quy tắc thần thánh. Bất cứ ai nói rằng mình không thích những luật đó thì không phải là người Islam giáo”. Những người không hiểu về Islam giáo giống như Ahmed Sani có thể là định từ bỏ nghĩa vụ tôn giáo, nhưng theo tôn chỉ của Islam giáo chính thống, thì từ bỏ tín ngưỡng bị coi là trọng tội. Chính quyền bang Zamfra có ý định đưa án tử hình vào luật hình sự đối với tội bỏ đạo. Nhưng thực tế chính trị của Nigeria không cho phép làm như vậy. Thống đốc Ahmed Sani đành nói rằng: “Nếu anh bỏ Islam giáo để theo tôn giáo khác, thì hình phạt là tội chết. Chúng tôi biết thế. Nhưng chúng tôi không đưa hình phạt đó vào luật hình sự, vì làm như thế là trái với quy định của hiến pháp. Chính luật của Allah bây giờ là một nền văn hóa cho toàn thể xã hội. Vì vậy, nếu một người Islam giáo thay đổi tín ngưỡng hay tôn giáo, thì xã hội hay gia đình có bốn phận thì hành phần đó của công lí đối với hắn”. Trong một vài trường hợp, người cải giáo sang Kitô giáo đã bị giết.

Ở miền Bắc, rất ít tín đồ Islam giáo từ bỏ tín ngưỡng của mình. Còn người cải giáo sang Kitô giáo thường rời bỏ cộng đồng mình chuyển sang ở các khu vực Kitô giáo để tránh rủi ro, đôi khi lấy tên và lí lịch mới. Các nhà thờ Kitô giáo và Anh giáo cũng mở những trại ngoài khu

vực theo luật *shar'ia* để người cải giáo có chỗ trú ngụ.

Mặc dầu tín đồ Kitô giáo chỉ là một thiểu số nhỏ bé ở những bang như Zamfra, Katsina, hay Sokoto, nhưng họ lại chiếm một nửa dân số Nigeria nói chung. Chính phủ liên bang của Tổng thống Obasanjo, tín đồ Kitô giáo, không chấp nhận để người không theo Kitô giáo phải chịu hình phạt của luật *shar'ia* như đánh bằng roi, chặt tay, hay ném đá, vì thế các chính trị gia Islam giáo ở miền Bắc phải nhượng bộ một số điểm. Khi tín đồ Islam giáo dính líu vào một vụ kiện cáo dân sự hay hình sự, họ có thể được xử ở một tòa án thế tục, nhưng người theo Islam giáo không thể lựa chọn được xử theo luật thế tục hay luật tôn giáo. Trong trường hợp trộm cắp hay ngoại tình, người Islam giáo phải chịu hình phạt theo luật *shar'ia* nghiêm khắc. Ngoài ra, tín đồ Islam giáo còn phải chịu sự giám sát của những đội dân binh *shar'ia* đi tuần các phố để bắt phạt cách ứng xử “phi-Islam giáo”.

Diễn đàn Tư vấn Arewa, một hiệp hội tối quan trọng của các nhà chính trị miền Bắc, nói rằng việc áp dụng luật *shar'ia* có mục đích làm cho dân chúng “thuần nhất”. Chỉ có sự tuân phục triệt để Thượng Đế mới tạo cho công dân Nigeria một bản sắc chung, và để mang lại hòa bình và hòa hợp cho đất nước bị xung đột xâu xé này, các nhà trí thức và chính trị gia Islam giáo đang trông cậy vào sức mạnh hợp nhất của tôn giáo. Nếu không thì khó có những yếu tố văn hóa chung có thể gắn kết mọi người với nhau ở một quốc gia gồm 500 sắc tộc này.

Chính sách thuần nhất hóa rất thành công ở nông thôn, nơi mà nó đã loại trừ nhiều tàn dư của văn hóa tiền-Islam giáo. Bằng cách cấm âm nhạc, ca múa, và việc nấu rượu cổ truyền, chính quyền các bang Katsina và Zamfra đã kết án hình sự các yếu tố quan trọng của nghi lễ “tà giáo”.

Cách làm thay đổi xã hội như vậy bị các nhà quan sát Phương Tây cho là làm miền Bắc Nigeria “mất tính cách Châu Phi”. Trong khi đó ở các đô thị, nơi nhiều tín đồ Kitô giáo từ miền Nam đến định cư, việc Islam giáo hóa của nhà nước bị chống đối dữ dội. Việc áp đặt luật *shar'ia* đã gây nên những vụ xung đột khiến hàng nghìn người chết tại Kano và Kaduna.

Tình hình cũng căng thẳng ở Vành đai Giữa của Nigeria, một dải đất nằm giữa miền Bắc Islam giáo và miền Nam Kitô giáo. Đối với “dân bản địa”, việc kêu gọi áp dụng luật *shar'ia* gợi lên sự khiếp sợ và giận dữ, vì nó làm nhớ lại kí ức về cuộc thánh chiến thế kỉ XIX. Các sắc tộc khẳng định mình là “dân bản địa” ở Vành đai Giữa phần lớn là tín đồ Kitô giáo, nhưng họ phải đối mặt với dân đến “định cư” từ miền Bắc, hầu hết là dân Hausa và Fulani, những người yêu cầu áp dụng luật *shar'ia*. Các phần tử thánh chiến, trong khi truyền bá tín ngưỡng của mình, đã xác lập bá quyền sắc tộc của dân Hausa và Fulani.

Ở miền Bắc, các nhà chính trị Islam giáo còn dùng tôn giáo để củng cố thế ưu trội của mình tại địa phương sau khi mất quyền kiểm soát chính phủ liên bang. Theo cách nhìn của các tộc thiểu số miền Bắc, thì chiến dịch Islam giáo hóa này có vẻ đáng sợ hơn cuộc vận động của những năm 1960, vì trong khi đó, hàng triệu dân Hausa và Fulani sẽ di chuyển xuống miền Nam, do thiếu đất và vì khí hậu khắc nghiệt. Mỗi nạn hạn hán lại dẫn đến một cuộc di cư ồ ạt, chẳng những từ miền Bắc Nigeria mà còn từ các bang lân cận ở vùng Sahel. Nhiều dân di cư đã tới cư trú ở Lagos, Ibadan, và các thành phố lớn khác của miền Nam Nigeria. Nhưng đối với nông dân đã rời bỏ nơi chôn rau cắt rốn, thì Vành đai Giữa thường hấp dẫn hơn. Nó vẫn cung cấp những mảnh đất chưa cày cấy vì nhiều khu vực rộng

lớn đã mất dân cư trong các cuộc săn lùng nô lệ thế kỉ XIX.

Đối với các sắc tộc của Vành đai Giữa, một viễn cảnh hãi hùng là trở thành một sắc tộc thiểu số ở chính bang “của mình”. Mất thế vượt trội về dân số và chính trị có nghĩa là mất quyền kiểm soát đất đai, cơ sở của cuộc sống. Vì dân di cư từ miền Bắc đã đông lên, nên họ không che giấu ý đồ nắm quyền cai trị ở địa phương. Đây là lí do vì sao họ chiến đấu hăng hái như thế để luật *shar'ia* được áp dụng tại các bang Vành đai Giữa. Dân Islam giáo được kêu gọi thay đổi trật tự chính trị theo ý Thượng Đế, họ cảm thấy có quyền đuổi người Kitô giáo địa phương khỏi các vị trí quyền lực.

Giành quyền kiểm soát đất đai là một phần của sứ mệnh thiêng liêng đòi hỏi rằng, ở nơi nào người miền Bắc di cư đến thì họ phải cố gắng chiếm ưu thế đối với dân “vô tín ngưỡng”. Vì dân di cư từ miền Bắc không có ý định hòa nhập vào văn hóa của người Berom, Tangale, hay Tarok, nên nói chung họ không tội gì mất công học tiếng địa phương. Ít khi họ chan hòa với dân bản địa, mà thích thiết lập các khu vực cư trú riêng xa các làng mạc hiện thời. Giống như bọn thực dân, họ sao chép lại ở đây văn hóa của mình, chẳng cần chú ý đến lối sống bản địa.

Một thí dụ về va chạm sắc tộc và tôn giáo là tình hình ở một khu vực nông thôn bang Gombe. Đa số dân cư khu vực này là người Hausa, Fulani, và Bole, nhưng phần phía nam nơi đó là chỗ cư trú của trên một chục sắc tộc theo Kitô giáo, lớn nhất là sắc tộc Tangale. Lúc người Anh xâm chiếm khu vực này, chúng dùng tiểu vương Gombe cai quản họ, nhưng chúng xét lại quyết định vào năm 1907. Quận Tangale-Waja có chính quyền riêng, họ tiếp nhận các đoàn truyền giáo Kitô giáo. Ngày nay, người Tangale có học vấn cao hơn dân Hausa và Fulani cho nên nhiều người làm viên

chức, chẳng những trong chính quyền địa phương mà cả ở các bộ của bang Gombe. Họ còn làm việc ở các trường cao đẳng và đại học khắp miền Đông - Bắc Nigeria.

Tuy vậy, hầu hết các vị trí hàng đầu đều do người Islam giáo nắm giữ, tín đồ Islam giáo cuối cùng quyết định việc đề bạt. Khi cần bổ nhiệm một người vào chức vụ còn để trống, người Islam giáo có thể tiếp xúc với một tín đồ Kitô giáo, bảo người này rằng họ muốn trao chức vụ cho anh ta, chỉ cần anh ta cải giáo. Trở thành tín đồ Islam giáo rất dễ, không cần phải đào tạo về thần học, mà chỉ việc tham gia cầu kinh với những người Islam giáo khác và bày tỏ tín ngưỡng mới, tức là chỉ công nhận Allah là vị thánh duy nhất và Mohammed là đáng tiên tri. Những viên chức đã cải giáo sang Islam giáo có thể mang tín ngưỡng mới về làng, tìm cách tranh thủ người trong gia đình.

Người dân Hausa và Fulani thường lập làng xã riêng, nhưng dân bản địa không quan tâm nhiều đến họ vì đất đai thừa thãi. Ở thời kì tiền-thuộc địa, người dân chỉ cư trú trên các triền núi Muri, vì ở đây họ có thể được bảo vệ khá chắc chắn thoát khỏi bàn tay bọn săn bắt nô lệ. Vùng thôn dã xung quanh vắng bóng dân cư, chỉ gồm vài trăm cây số vuông thảo nguyên mà tại đó chẳng ai dám dựng làng. Cách đây mấy thập kỉ, chính quyền thuộc địa vạch hủ họa một vài đường ranh giới ở nơi hoang vu này, nhưng từ đấy, dân cư tăng nhanh chóng, các khu định cư đã mở rộng đáng kể, và hiện tượng tranh giành đất đai đã xảy ra.

Từ khi người dân Tangale, Tula, và Dadiya bản địa bắt đầu tranh chấp về quyền sử dụng ruộng đất, họ bức tức cho rằng viên thủ lĩnh vùng Kaltungo đã mời thêm “người lạ” đến chiếm đất. Năm 1998, dân chúng vùng Shongom quyết liệt bảo vệ “đất đai của tổ tiên”, tấn công dinh thự của viên thủ lĩnh và đánh đập ông ta. Nhưng cơn bột phát bạo lực này chẳng có tác động lâu dài, trái lại nó

chúng tỏ dân địa phương không có cách nào kiểm soát được những người lãnh đạo họ. Được chính quyền ở Gombe ủng hộ, viên thủ lĩnh có thể làm ngơ nguyện vọng dân chúng, và năm 2001, lúc thiếu hơn hai chục xã trưởng, ông ta chọn 19 người Islam giáo vào chức vụ này.

Kết luận

Để tránh sự phân hóa tôn giáo, những người lãnh đạo Giáo hội Kitô giáo đã bảo vệ truyền thống thế tục của hiến pháp Nigeria. Tín đồ Tin Lành và Công giáo đều nhấn mạnh là, các thiết chế nhà nước nên có thái độ trung lập trong tất cả các vấn đề tôn giáo. Tổng Giám mục Công giáo địa phận Lagos nói rằng “tôn giáo” là một việc riêng giữa anh và Thượng Đế của anh. Nếu anh muốn đem tôn giáo vào, thì hãy để việc đó sau giờ làm việc của cơ quan”. Ở những khu vực tín đồ Kitô giáo chiếm đa số, nhà cầm quyền nói chung đã tuân thủ nguyên tắc này.

Xung đột tôn giáo chỉ xảy ra tại miền Bắc, nơi nhà cầm quyền Islam giáo tìm cách thực hiện ý tưởng về một trật tự thần quyền, trong khi ở miền Nam, cả hai bên đều có thể phụng sự tôn giáo của mình tương đối tự do. Nhưng tình trạng thiếu cân đối này gây bất lợi cho dân theo Kitô giáo. Hoạt động tôn giáo của họ bị hạn chế ở nhiều vùng rộng lớn của Nigeria, trong khi tín đồ Islam giáo sử dụng quyền tự do tôn giáo để xây dựng đền thờ và trường học Islam giáo tại các khu vực Kitô giáo.

Tóm lại, xung đột giữa tín đồ Islam giáo và Kitô giáo không thể được giải quyết bằng cách nhấn mạnh vào nhân quyền, như tự do tư tưởng và tự do tín ngưỡng. Các nguyên tắc thế tục, được ghi trong hiến pháp để bảo đảm quyền bình đẳng cho tất cả các cộng đồng tôn giáo, đã bị vứt bỏ. Vậy để đặt ra những luật lệ mới, các bên tranh chấp phải thương lượng lại các điều kiện cho phép họ tiếp tục chung sống với nhau./